TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC SƠN

Số: 7838/QĐ-PCSOCSON

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Sơn, ngày 09 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 06.2026.MSHH: Mua điều hòa phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026 Thuộc dự toán mua sắm: Mua Điều hòa phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC SƠN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 9/9/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-HĐTV ngày 12/02/2026 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy chế mua sắm trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2026 của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-HĐTV ngày 08/10/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế mua sắm;

Căn cứ Quyết định số 12872/QĐ-EVNHANOI ngày 30/12/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng – tài chính năm 2026 cho Công ty điện lực Sóc Sơn;

Căn cứ Quyết định số 7738/QĐ-PCSOCSON ngày 06/11/2026 của Công ty Điện lực Sóc Sơn về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm: Mua Điều hòa phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 7781/QĐ-PCSOCSON ngày 06/11/2026 Công ty Điện lực Sóc Sơn về việc phê duyệt dự toán mua sắm: Mua Điều hòa phục vụ sản xuất

kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Tờ trình số 295/TCHC ngày 09/11/2026 của phòng Tổ chức hành chính về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 06.2026.MSHH: Mua điều hòa phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026, thuộc dự toán mua sắm: Mua Điều hòa phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026.

Theo đề nghị của bà Trưởng phòng Tổ chức hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 06.2026.MSHH: Mua điều hòa phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026, thuộc dự toán mua sắm: Mua Điều hòa phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao phòng Tổ chức hành chính chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan của Công ty Điện lực Sóc Sơn tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bà trưởng phòng Tổ chức hành chính cùng các ông (bà) trưởng các đơn vị liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Như điều 2 (để t/h);
-TCKT, KTAT;
-Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0100101114-011-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY ĐIỆN LỰC SÓC SƠN
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Hoàng Khương

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU SỐ 06.2026.MSHH: MUA ĐIỀU HÒA PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM: MUA ĐIỀU HÒA PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-PCSOCSON ngày / 11 /2026)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn		Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*										
1	Công ty Điện lực Sóc Sơn	Gói thầu số 06.2026.MSHH: Mua điều hòa phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026	Mua Điều hòa phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026	**1.483.774.800**	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026		Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		20 ngày	Tháng 11, 12 năm 2026	Trọn gói	10 ngày	Không áp dụng
		TỔNG		**1.483.774.8000**									

Phụ lục II

DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

GÓI THẦU SỐ 06.2026.MSHH: MUA ĐIỀU HÒA PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PCSOCSON ngày tháng 11 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Thuế VAT		Đơn giá sau thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)		
					VAT%	Tiền thuế		Chưa thuế	Thuế	Sau thuế
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=5*4*	*10=7*4*	*11=8*4*
A	**PHẦN THIẾT BỊ ĐIỀU HÒA PANASONIC**							**972.506.921**	**78.421.679**	**1.050.928.600**
1	Điều hòa cục bộ treo tường Panasonic, 1 chiều, Inveter 9000 Btu, Model:CS-RU9CKH-8D/CU-RU9CKH-8D	Bộ	01	9.905.000	8%	792.400	10.697.400	9.905.000	792.400	10.697.400
2	Điều hòa cục bộ treo tường Panasonic, 1 chiều, Inveter 12000 Btu, Model: CS-RU12CKH-8D/CU-RU12CKH-8D	Bộ	20	11.987.500	8%	959.000	12.946.500	239.750.000	19.180.000	258.930.000

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Thuế VAT		Đơn giá sau thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)		
					VAT%	Tiền thuế		Chưa thuế	Thuế	Sau thuế
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=5*4*	*10=7*4*	*11=8*4*
3	Điều hòa cục bộ treo tường Panasonic, 1 chiều, Inveter 18000 Btu, Model: CS-RU18CKH-8BD/CU-RU18CKH-8BD	Bộ	13	18.888.889	8%	1.511.111	20.400.000	245.555.557	19.644.443	265.200.000
4	Điều hòa cục bộ treo tường Panasonic, 1 chiều, Inveter 24000 Btu, Model:CS-RU24CKH-8D/CU-RU24CKH-8D	Bộ	14	25.610.000	8%	2.048.800	27.658.800	358.540.000	28.683.200	387.223.200
5	Máy điều hòa cục bộ treo tường Panasonic, 2 chiều Inverter 18000 Btu, Model:CS-YZ18AKH-8/CU-YZ18AKH-8	Bộ	04	21.925.000	8%	1.754.000	23.679.000	87.700.000	7.016.000	94.716.000
6	Máy điều hòa cục bộ treo tường Panasonic, 2 chiều Inverter 24000 Btu, Model: CS-YZ24BKH-8/CU-YZ24BKH-8	Bộ	01	31.056.364	10%	3.105.636	34.162.000	31.056.364	3.105.636	34.162.000
B	**PHẦN VẬT TƯ LẮP ĐẶT**					-	-	**397.158.277**	**35.687.923**	**432.846.200**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Thuế VAT		Đơn giá sau thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)		
					VAT%	Tiền thuế		Chưa thuế	Thuế	Sau thuế
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=5*4*	*10=7*4*	*11=8*4*
I	**VẬT TƯ MÁY 9000 BTU, 12000 BTU**					-	-	**96.459.006**	**9.015.594**	**105.474.600**
1	Ống đồng D6 dày 0.71mm	Mét	168	81.818	10%	8.182	90.000	13.745.424	1.374.576	15.120.000
2	Ống đồng D10 dày 0.71mm	Mét	168	123.582	10%	12.358	135.940	20.761.776	2.076.144	22.837.920
3	Xốp bảo ôn cách nhiệt ống đồng D6 dày 13mm	Mét	168	24.545	10%	2.455	27.000	4.123.560	412.440	4.536.000
4	Xốp bảo ôn cách nhiệt ống đồng D10 dày 13mm	Mét	168	30.745	10%	3.075	33.820	5.165.160	516.600	5.681.760
5	Dây điện 2x2.5mm2	Mét	336	37.037	8%	2.963	40.000	12.444.432	995.568	13.440.000
6	Dây điện 1x1.5mm2	Mét	189	13.889	8%	1.111	15.000	2.625.021	209.979	2.835.000
7	Ghen điện Sino D20	Mét	147	48.000	8%	3.840	51.840	7.056.000	564.480	7.620.480
8	Ống nước PVC D21 C1	Mét	168	27.000	8%	2.160	29.160	4.536.000	362.880	4.898.880

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Thuế VAT		Đơn giá sau thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)		
					VAT%	Tiền thuế		Chưa thuế	Thuế	Sau thuế
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=5*4*	*10=7*4*	*11=8*4*
9	Bảo ôn ống Thoát Nước ngưng D22 dày 10mm	Máy	168	31.818	10%	3.182	35.000	5.345.424	534.576	5.880.000
10	Băng cuốn bảo ôn	Mét	336	11.782	10%	1.178	12.960	3.958.752	395.808	4.354.560
11	Giá đỡ dàn nóng điều hòa 9000BTU	Bộ	01	290.909	10%	29.091	320.000	290.909	29.091	320.000
12	Giá đỡ dàn nóng điều hòa 12000BTU	Bộ	20	290.909	10%	29.091	320.000	5.818.180	581.820	6.400.000
13	Attomat 1 Pha 2 cực LS C16A	Cái	21	231.481	8%	18.519	250.000	4.861.101	388.899	5.250.000
14	Vật tư phụ lắp đặt (Đai, Bulong, Ecu, keo Silicon, Vít nở băng dính …..)	Bộ	21	272.727	10%	27.273	300.000	5.727.267	572.733	6.300.000
II	**VẬT TƯ MÁY 18000 BTU, 24000 BTU**					-	-	**260.197.420**	**23.432.180**	**283.629.600**
1	Ống đồng D6 dày 0.71mm	Mét	448	81.818	10%	8.182	90.000	36.654.464	3.665.536	40.320.000
2	Ống đồng D12 dày 0.71mm	Mét	434	163.509	10%	16.351	179.860	70.962.906	7.096.334	78.059.240

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Thuế VAT		Đơn giá sau thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)		
					VAT%	Tiền thuế		Chưa thuế	Thuế	Sau thuế
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=5*4*	*10=7*4*	*11=8*4*
3	Ống đồng D16 dầy 0.71mm	Mét	14	202.455	10%	20.245	222.700	2.834.370	283.430	3.117.800
4	Xốp bảo ôn cách nhiệt ống đồng D6 dày 13mm	Mét	448	25.000	8%	2.000	27.000	11.200.000	896.000	12.096.000
5	Xốp bảo ôn cách nhiệt ống đồng D13 dầy 13mm	Mét	434	39.000	8%	3.120	42.120	16.926.000	1.354.080	18.280.080
6	Xốp bảo ôn cách nhiệt ống đồng D16 dầy 13mm	Mét	14	44.000	8%	3.520	47.520	616.000	49.280	665.280
7	Dây điện 2x4mm2	Mét	704	62.963	8%	5.037	68.000	44.325.952	3.546.048	47.872.000
8	Dây điện 1x1,5mm2	Mét	480	13.889	8%	1.111	15.000	6.666.720	533.280	7.200.000
9	Ghen điện Sino D20	Mét	224	48.000	8%	3.840	51.840	10.752.000	860.160	11.612.160
10	Ống nước PVC D27 C1	Mét	256	44.000	8%	3.520	47.520	11.264.000	901.120	12.165.120
11	Bảo ôn ống Thoát Nước ngưng D28 dày 10mm	Mét	256	46.000	8%	3.680	49.680	11.776.000	942.080	12.718.080
12	Băng cuốn bảo ôn	Mét	704	12.000	8%	960	12.960	8.448.000	675.840	9.123.840
13	Giá đỡ dàn nóng điều hòa 18000BTU	Bộ	17	363.636	10%	36.364	400.000	6.181.812	618.188	6.800.000

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Thuế VAT		Đơn giá sau thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)		
					VAT%	Tiền thuế		Chưa thuế	Thuế	Sau thuế
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=5*4*	*10=7*4*	*11=8*4*
14	Giá đỡ dàn nóng điều hòa 24000BTU	Bộ	15	363.636	10%	36.364	400.000	5.454.540	545.460	6.000.000
15	Attomats 1 Pha 2 cực LS C25A	Cái	17	231.481	8%	18.519	250.000	3.935.177	314.823	4.250.000
16	Attomat 1 Pha 2 cực LS C32A	Cái	15	231.481	8%	18.519	250.000	3.472.215	277.785	3.750.000
17	Vật tư phụ lắp đặt (Đai, Bulong, Ecu, keo Silicon, Vít nở băng dính …..)	Bộ	32	272.727	10%	27.273	300.000	8.727.264	872.736	9.600.000
III	**Vật tư khác**					-	-	**40.501.851**	**3.240.149**	**43.742.000**
1	Chi phí vệ sinh, giáo thi công	Gói	01	5.250.000	8%	420.000	5.670.000	5.250.000	420.000	5.670.000
2	Chi phí đục tường, chát hoàn thiện	Gói	01	6.944.444	8%	555.556	7.500.000	6.944.444	555.556	7.500.000
3	Chi phí vận chuyển thiết bị vật tư đồ nghề lên công trình	Gói	01	4.907.407	8%	392.593	5.300.000	4.907.407	392.593	5.300.000
4	Tháo máy cũ và vật tư cũ lấy vị trí lắp đặt máy mới và tập kết về kho Chủ đầu tư	Gói	01	23.400.000	8%	1.872.000	25.272.000	23.400.000	1.872.000	25.272.000

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá chưa thuế (đồng)	Thuế VAT		Đơn giá sau thuế (đồng)	Thành tiền (đồng)		
					VAT%	Tiền thuế		Chưa thuế	Thuế	Sau thuế
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=5*4*	*10=7*4*	*11=8*4*
Tổng A+B								**1.369.665.198**	**114.109.602**	**1.483.774.800**